TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày 17/01/2022
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN KIM NGỌC**.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **HUỲNH VĂN THANH**
- Bà **TRẦN THỊ CÚC**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **NGUYỄN TRẦN HỒNG NHUNG** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 262/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2021 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị NGUYỄN NGỌC L, sinh năm 1972. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh T.

- ***Bị đơn***: Anh TRẦN VĂN P, sinh năm 1972. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 08/6/2021, và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc L trình bày: Chị L và anh Trần Văn P tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 1992, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, do không hợp tính tình, vợ chồng thường cãi vã, **anh P** bỏ về nhà cha mẹ ruột, chị có đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án, theo bản án số 145/2010/HNST ngày 13/12/2010 của Tòa án nhân dân

huyện Cai Lậy quyết định không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị, từ năm 2010 đến nay vợ chồng đã chính thức ly thân.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Ngọc Nh, sinh năm 1994 và Trần Thanh N sinh năm 1999, các con chung đã trưởng thành.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nay chị Nguyễn Ngọc L yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn P.

Bị đơn anh Trần Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án***: Xét thấy, bị đơn anh Trần Văn P cư trú: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh T. Do đó, tranh chấp ly hôn giữa chị L và anh P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tòa án đã triệu tập, tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn anh Trần Văn P nhưng anh vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

[2] ***Về quan hệ hôn nhân***: Xét thấy, chị Nguyễn Ngọc L và anh Trần Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 77, vào ngày 20/7/2004, đây là hôn nhân hợp pháp. Chị L yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh P vì cho rằng trong quá trình sống chung vợ chồng không hợp tính tình thường cãi vã, anh P bỏ về nhà cha mẹ ruột từ năm 2010 đến nay không quay về, mặt khác vào năm 2010 chị có đơn khởi kiện xin ly hôn nhưng theo bản án số 145/2010/HNST, ngày 13/12/2010 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị, vợ chồng ly thân từ năm 2010 đến nay. Khi chị L có đơn xin ly hôn, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ cho anh P nhưng anh không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị L. Tại phiên tòa, anh P vắng mặt không có lý do. Điều đó cho thấy anh P đã không còn quan tâm đến hôn nhân giữa anh và chị L. Xét thấy, anh chị đã ly thân hơn 10 năm qua, tình cảm vợ chồng anh, chị

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh P là phù hợp.

[3] ***Về con chung***: Chị L và anh P có 02 con chung tên Trần Ngọc Nh, sinh năm 1994 và Trần Thanh N sinh năm 1999, các con chung đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

[4] ***Về tài sản chung, nợ chung***: Không có.

[5] ***Về án phí***: Chị Nguyễn Ngọc L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Ngọc L được ly hôn với anh Trần Văn P.

2. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001252 ngày 05/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem thi hành xong.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã M, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Kim Ngọc